PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN PHƯỜNG TRÀ CỔ - TỶ LỆ 1/500

02 MẪU GIÀN BÈ NUÔI HÀU

MÔ HÌNH NTTS KIỂU MẪU CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ NHU CẦU TRÊN ĐỊA BÀN TP MÓNG CÁI

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, CHIA KHU VỰC BIỂN PHỤC VỤ NTTS TẠI PHƯỜNG TRÀ CỔ

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I	**Tổng diện tích luồng lạch, lưu không**	**m^2**	**367.063,00**	**48,30**
1.1	Diện tích luồng lạch giao thông chính	m^2	-	-
1.2	Diện tích luồng lạch phụ, lưu không nội bộ	m^2	340.821,00	44,84
1.3	Diện tích cầu giao thông theo quy hoạch	m^2	26.242,0	3,45
II	**Tổng diện tích các ô nuôi**	**m^2**	**378.958,0**	**49,86**
2.1	Tổng số ô nuôi	ô	**39,0**	-
a	*Số ô nuôi (phù hợp nuôi nhuyễn thể dạng dàn treo, bãi)*	*ô*	39,0	-
2.2	Diện tích trung bình 1 ô nuôi	m^2	**9.716,9**	-
III	**Diện tích khu quản lý vận hành**	**m^2**	**14.000**	**1,8**
	Tổng diện tích (I+II+III)		**760.021**	**100**

THỐNG KÊ CÁC Ô NUÔI

STT Ô nuôi	Số Ô	Diện tích (m2)	Ghi chú vùng diện tích
1	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
2	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
3	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
4	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
5	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
6	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
7	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
8	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
9	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
10	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
11	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
12	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
13	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
14	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
15	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
16	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
17	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
18	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
19	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
20	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
21	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
22	1	6.349,0	Trong đường triều kiệt
23	1	8.269,0	Trong đường triều kiệt
24	1	7.060,0	Trong đường triều kiệt
25	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
26	1	9.040,0	Trong đường triều kiệt
27	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
28	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
29	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
30	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
31	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
32	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
33	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
34	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
35	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
36	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
37	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
38	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
39	1	8.240,0	Trong đường triều kiệt
Tổng	**39**	**378.958,0**	

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN VÙNG TRC

điểm	X(m)	Y(m)	Canh(m)
N1	2378868.218	531672.106	
N2	2378075.671	531718.090	793.88
N3	2378237.194	531162.290	578.79
N4	2378494.797	531136.988	258.64
N5	2378594.913	530927.333	228.20
N6	2378066.289	530209.425	885.64
N7	2377620.105	529963.362	509.54
N8	2377105.799	529190.263	928.54
N9	2377258.327	529107.561	173.50
N10	2377356.490	529287.258	204.74
N11	2377461.728	529445.451	190.00
N12	2377672.673	529723.648	349.13
N13	2377798.231	529830.468	164.86
N14	2377995.920	529963.774	238.42
N15	2378065.886	530031.332	97.26
N16	2378334.064	530359.617	423.90
N17	2378499.217	530567.034	265.14
N18	2378599.989	530715.223	179.21
N19	2378739.929	531028.044	342.70
N1	2378868.218	531672.106	656.71

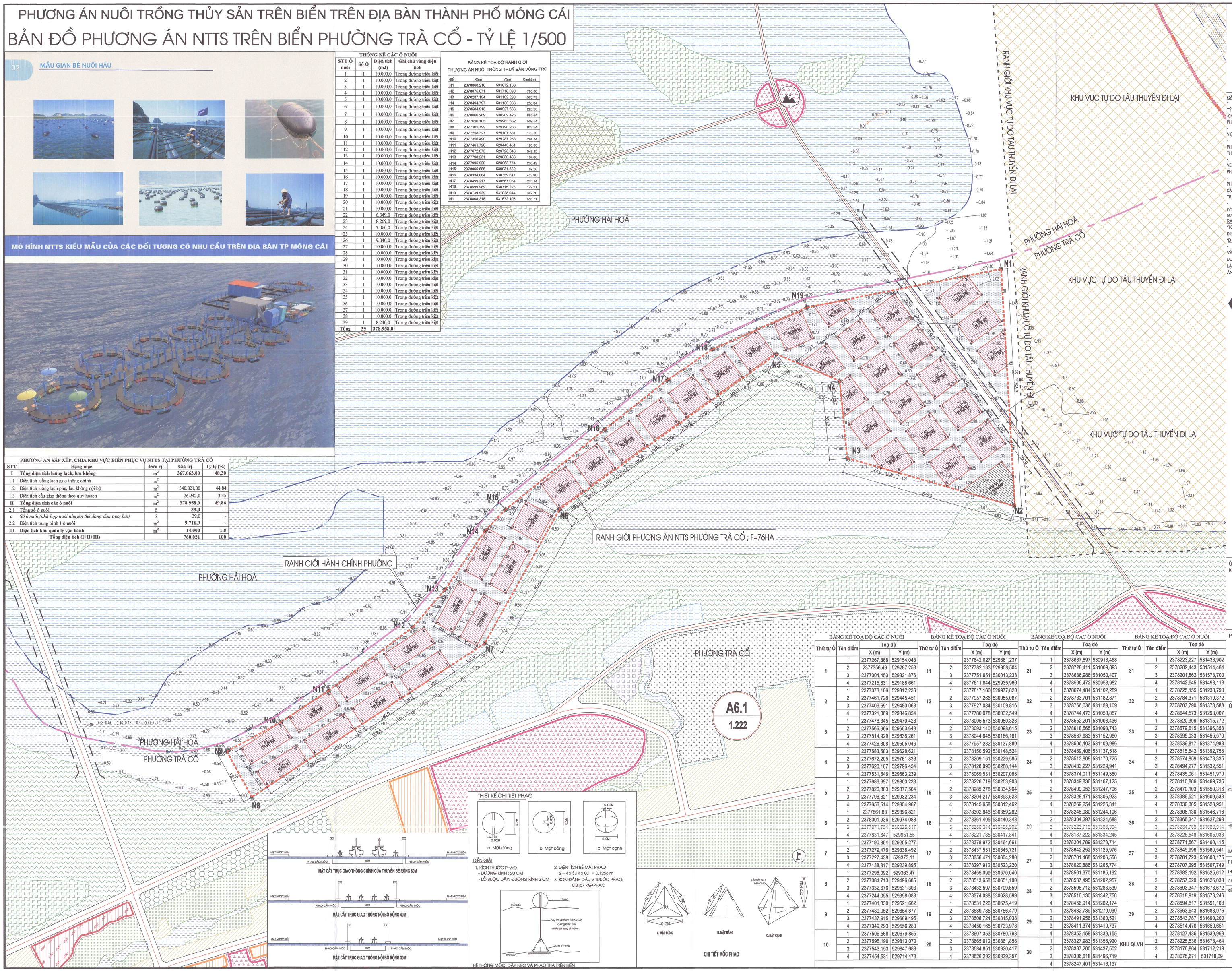

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
1	1	2377267,868	529154,043
	2	2377356,49	529287,258
	3	2377304,453	529321,876
	4	2377215,831	529188,661
2	1	2377373,106	529312,236
	2	2377461,728	529445,451
	3	2377409,691	529480,068
	4	2377321,069	529346,854
3	1	2377478,345	529470,428
	2	2377566,966	529603,643
	3	2377514,929	529638,261
	4	2377426,308	529505,046
4	1	2377583,583	529628,621
	2	2377672,205	529761,836
	3	2377620,167	529796,454
	4	2377531,546	529663,239
5	1	2377686,697	529800,238
	2	2377826,803	529877,504
	3	2377796,621	529932,234
	4	2377656,514	529854,967
6	1	2377861,83	529896,821
	2	2378001,936	529974,088
	3	2377971,754	530028,817
	4	2377831,647	529951,55
7	1	2377190,854	529205,277
	2	2377279,476	529338,492
	3	2377227,438	529373,11
	4	2377138,817	529239,895
8	1	2377296,092	529363,47
	2	2377384,713	529496,685
	3	2377332,676	529531,303
	4	2377244,055	529398,088
9	1	2377401,330	529521,662
	2	2377489,952	529654,877
	3	2377437,915	529689,495
	4	2377349,293	529556,280
10	1	2377506,568	529679,858
	2	2377595,190	529813,070
	3	2377543,153	529847,688
	4	2377454,531	529714,473

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
11	1	2377642,027	529881,237
	2	2377782,133	529958,504
	3	2377751,951	530013,233
	4	2377611,844	529935,966
12	1	2377817,160	529977,820
	2	2377957,266	530055,087
	3	2377927,084	530109,816
	4	2377786,978	530032,549
13	1	2378005,573	530050,323
	2	2378093,140	530098,615
	3	2378044,848	530186,181
	4	2377957,282	530137,889
14	1	2378150,592	530148,524
	2	2378209,151	530229,585
	3	2378128,090	530288,144
	4	2378069,531	530207,083
15	1	2378226,719	530253,903
	2	2378285,278	530334,964
	3	2378204,217	530393,523
	4	2378145,658	530312,462
16	1	2378302,846	530359,282
	2	2378361,405	530440,343
	3	2378280,344	530498,902
	4	2378221,785	530417,841
17	1	2378378,972	530464,661
	2	2378437,531	530545,721
	3	2378356,471	530604,280
	4	2378297,912	530523,220
18	1	2378455,099	530570,040
	2	2378513,658	530651,100
	3	2378432,597	530709,659
	4	2378374,038	530628,599
19	1	2378531,226	530675,419
	2	2378589,785	530756,479
	3	2378508,724	530815,038
	4	2378450,165	530733,978
20	1	2378607,353	530780,798
	2	2378665,912	530861,858
	3	2378584,851	530920,417
	4	2378526,292	530839,357

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
21	1	2378687,897	530918,468
	2	2378728,411	531009,893
	3	2378636,986	531050,407
	4	2378596,472	530958,982
22	1	2378674,484	531102,289
	2	2378733,701	531182,871
	3	2378766,036	531159,109
	4	2378744,473	531050,857
23	1	2378552,201	531003,436
	2	2378618,565	531093,743
	3	2378537,983	531152,960
	4	2378506,403	531109,986
24	1	2378489,406	531137,518
	2	2378513,809	531170,725
	3	2378433,227	531229,941
	4	2378374,011	531149,360
25	1	2378349,836	531167,125
	2	2378409,053	531247,706
	3	2378328,471	531306,923
	4	2378269,254	531226,341
26	1	2378245,080	531244,106
	2	2378304,297	531324,688
	3	2378223,715	531383,904
	4	2378187,222	531334,245
27	1	2378204,789	531273,714
	2	2378642,252	531125,976
	3	2378701,468	531206,558
	4	2378620,886	531265,774
28	1	2378561,670	531185,192
	2	2378537,495	531202,957
	3	2378596,712	531283,539
	4	2378516,130	531342,756
29	1	2378456,914	531262,174
	2	2378432,739	531279,939
	3	2378491,956	531360,521
	4	2378411,374	531419,737
30	1	2378352,158	531339,155
	2	2378327,983	531356,920
	3	2378387,200	531437,502
	4	2378306,618	531496,719

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
31	1	2378223,227	531433,902
	2	2378282,443	531514,484
	3	2378201,862	531573,700
	4	2378142,645	531493,118
32	1	2378725,155	531238,790
	2	2378784,371	531319,372
	3	2378703,790	531378,588
	4	2378644,573	531298,007
33	1	2378620,399	531315,772
	2	2378679,615	531396,353
	3	2378599,033	531455,570
	4	2378539,817	531374,988
34	1	2378515,642	531392,753
	2	2378574,859	531473,335
	3	2378494,277	531532,551
	4	2378435,061	531451,970
35	1	2378410,886	531469,735
	2	2378470,103	531550,316
	3	2378389,521	531609,533
	4	2378330,305	531528,951
36	1	2378306,130	531546,716
	2	2378365,347	531627,298
	3	2378284,765	531686,514
	4	2378225,548	531605,933
37	1	2378771,567	531460,115
	2	2378845,996	531560,541
	3	2378781,723	531608,175
	4	2378707,295	531507,749
38	1	2378683,192	531525,612
	2	2378757,620	531626,038
	3	2378693,347	531673,672
	4	2378618,919	531573,246
39	1	2378594,817	531591,108
	2	2378663,643	531683,976
	3	2378543,787	531690,200
	4	2378514,476	531650,651
KHU QLVH	1	2378127,435	531539,969
	2	2378225,536	531673,464
	3	2378176,864	531712,219
	4	2378075,671	531718,09

B

TỶ LỆ 1/500

1cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

0M 10M 20M 30M 40M 50M

Hệ toạ độ VN 2000 và cao độ Quốc Gia

CÁC CĂN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS:

- PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI TỶ LỆ : 1/500 ĐƯỢC LẬP TRÊN CƠ SỞ :

CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/QĐ-TTG NGÀY 11/02/2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NINH THỜI KỲ 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .

- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1864/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGÀY 04/10/2021 VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN NTTS TRÊN BIỂN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 795/QĐ-UBND NGÀY 06/03/2024 CỦA UBND TP MÓNG CÁI VỀ V/V PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 377/QĐ-KT NGÀY 22/04/2024 CỦA PHÒNG KINH TẾ TP MÓNG CÁI VỀ V/V PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA GÓI THẦU SỐ 02: TƯ VẤN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TP MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ HỢP ĐỒNG SỐ 18/2024/HĐKT-KT NGÀY 25/04/2024 GIỮA PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ MÓNG CÁI VÀ LIÊN DANH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN GÓI THẦU SỐ 02: TƯ VẤN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI .
- CĂN CỨ BẢN ĐỒ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG DO LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN LẬP THÁNG 06/2024;

RANH GIỚI NTTS PHƯỜNG TRÀ CỔ

*TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN : 760.021 M2 (76,00HA);

ĐỊNH VỊ BẰNG CÁC ĐIỂM N1, N2, N3,...,N18, N19, N1 CÓ TOẠ ĐỘ ĐỊNH VỊ TRÊN BẢN VẼ.

*ĐỊNH VỊ RANH GIỚI KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT NTTS:

- DỰA VÀO CÁC MỐC ĐÃ CÓ TRÊN THỰC ĐỊA (SỬ DỤNG HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000 VÀ CAO ĐỘ QUỐC GIA DO LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HA LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN LẬP). XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỂM RANH GIỚI KHU NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN CỦA DỰ ÁN THEO TOẠ ĐỘ GHI TRÊN BẢN VẼ.

TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH CỦA THUYỀN BÈ

Ô GIAO CHO ĐỐI TƯỢNG CÓ NHU CẦU PHÙ HỢP NUÔI NHUYỄN THỂ DẠNG BÃI + DÀN TREO

KHU QUẢN LÝ VẬN HÀNH

TRỤC GIAO THÔNG NỘI BỘ

ĐẢO, NÚI ĐÁ

ĐƯỜNG RANH GIỚI PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT KHU NUÔI THỦY SẢN

E1 MỐC RANH GIỚI LẬP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT NTTS

1 MỐC RANH GIỚI CÁC KHU NUÔI

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ... /QĐ-UBND NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2024
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Tuấn

PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TRƯỞNG PHÒNG

Lê Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRÀ CỔ
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trường Doanh

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN TRÊN BIỂN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN TRÊN BIỂN PHƯỜNG TRÀ CỔ - TỶ LỆ 1/500

BẢN VẼ PA-08	GHÉP: 1 A0	TỶ LỆ: 1 / 500	NGÀY: ... / 08 /2024
THỂ HIỆN	PHẠM KHẮC DUY		
THIẾT KẾ	PHẠM KHẮC DUY		
CHỦ TRÌ	NGUYỄN VĂN HỢP		
KIỂM TRA	NGUYỄN QUANG DIỆU		

LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG
VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HỢP